TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2471/2023/DS-ST
Ngày: 18/7/2023
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái;

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 777/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1917/2023/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3684/2023/QĐST-DS ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn L**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số A Lô A đường N, KP11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1974 là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số công chứng 001275, quyển số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2021 tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Bà Lương Thị H**, sinh năm 1971

Địa chỉ: 1 Lô A, Chung cư B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Sỹ H1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số D đường số C, phường A, thành phố T.

(Ông B có mặt, bà H, ông H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn L đã tin tưởng và gửi cho bà Lương Thị H vay số tiền 434.000.000 đồng. Việc chuyển tiền được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng V, nội dung chuyển khoản: *"gửi tiền",* cụ thể như sau:

- Lần 1, ngày 18/6/2019, ông L chuyển số tiền 234.000.000 đồng
- Lần 2, ngày 27/6/2019, ông L đã chuyển số tiền 200.000.000 đồng

Đến nay đã hơn 41 tháng, sau nhiều lần thông báo đề nghị bà H trả tiền nhưng bà H cố tình trốn tránh, không trả tiền cho ông L. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu buộc bà Lương Thị H trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 434.000.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu) đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 08/6/23 là 61 tháng x 1% x 434.000.000 đồng = 198.940.000 (một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 632.940.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lương Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Sỹ H1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông L yêu cầu bà H phải trả lại cho ông L số tiền nợ gốc là 434.000.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 27/11/2021 đến ngày 08/6/2023 số tiền là 198.940.000 đồng. Tổng cộng là 632.940.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lương Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Sỹ H1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên cần rút kinh nghiệm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án: Việc khởi kiện của nguyên đơn căn cứ vào giấy chuyển tiền ngày 18/6/2019 và ngày 27/6/2019 thể hiện có sự việc chuyển tiền từ nguyên đơn sang cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền đã chuyển là 434.000.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu) đồng.

Đối với tiền lãi, do các bên không có giấy vay tiền nên không chứng minh được quan hệ vay tiền do đó không có căn cứ để xác định thời gian bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán, do đó không có căn cứ để xem xét tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản tuy nhiên trong hồ sơ không thể các bên có quan hệ vay tiền nên xác định đây là quan hệ đòi tài sản theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Theo kết quả trả lời xác minh ngày 30/3/2022 của Công an phường A, thành phố T cho biết *"hiện nay bà Lương Thị H và ông Trương Sỹ H1 hiện thực tế cư trú tại số A Lô A, Chung cư B, phường A, thành phố T"*. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa chỉ số A Lô A, Chung cư B, phường A, thành phố T, Tp Hồ Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Tp Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh đối với bà Lương Thị H và ông Trương Sỹ H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Ngày 15/7/2022 niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 777/TBTL ngày 15/12/2021 và Giấy triệu tập đối với bà Lương Thị H và ông Trương Sỹ H1 để trình bày bản tự khai vào lúc 09 giờ ngày 02/8/2022;

- Ngày 04/4/2023 niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 20/4/2023;

- Ngày 18/5/2023 niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 05/6/2023;

- Ngày 12/6/2023 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1917/2023/QĐXX – DS ngày 08/6/2023, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/6/2023, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 30/6/2023;

- Ngày 01/7/2023 niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 3684/2023/QĐST-DS ngày 30/6/2023 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 18/7/2023;

Tất cả các lần được triệu tập nêu trên, bà Lương Thị H và ông Trương Sỹ H1 đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bà H và ông H1 tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và ông H1.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị H số tiền nợ gốc là 434.000.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu) đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 05/6/2023 là 61 tháng x 1% x 434.000.000 đồng = 198.940.000 (một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 632.940.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc bà H trả lại số tiền gốc là 434.000.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu) đồng như sau:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ do phía nguyên đơn cung cấp chỉ có Giấy nộp tiền ngày 18/6/2019 và 27/6/2019 tại Ngân hàng TMCP N (V1) mang tên Nguyễn Văn L gửi vào tài khoản mang tên bà Lương Thị H, nguyên đơn không cung cấp được giấy vay tiền hoặc tài liệu thể hiện có việc vay tiền giữa hai bên. Xét nội dung Giấy nộp tiền ngày 18/6/2019 phần nội dung để trống không thể hiện việc ông L cho bà H vay tiền, Giấy nộp tiền ngày 27/6/2019 phần nội dung ghi "Gửi tiền" không thể hiện có việc vay tiền hay có giao dịch khác. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, bà H đã được tống đạt hợp lệ đến tòa để trình bày lời khai, đối chất và hòa giải về số tiền nêu trên nhưng bà H không đến tòa là không tôn trọng quy định của pháp luật đồng thời tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét tài liệu là 02 (hai) giấy nộp tiền ngày 18/6/2019 và 27/6/2019 do phía nguyên đơn cung cấp là chứng cứ chứng minh quan hệ giao dịch chuyển tiền giữa ông L và bà H. Quan hệ giao dịch này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Như vậy xác định việc chuyển tiền giữa ông L cho bà H theo hai giấy chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng là có thật nên việc ông L yêu cầu bà H phải trả lại cho ông L số tiền đã chuyển là 434.000.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu) đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền lãi: Như đã phân tích trên, giữa ông L và bà H không tồn tại quan hệ vay tiền nên không có căn cứ để xác định thời hạn mà bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc ông L yêu cầu bà H phải trả cho ông L tiền lãi tính từ ngày khởi

kiện đến ngày 08/6/2023 là 198.940.000 (một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn) đồng không có căn cứ để chấp nhận.

Ông Trương Sỹ H1 là chồng bà H nhưng ông L chỉ yêu cầu bà H trả tiền vì chỉ giao dịch với cá nhân bà H nên không cần buộc ông H1 phải liên đới với bà H trả tiền cho ông L.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp nên ghi nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí trên phần nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 105, Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc buộc bà Lương Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 434.000.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu) đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc bà H phải thanh toán cho ông L tiền lãi tính từ ngày 27/11/2021 đến ngày 08/6/2023 là 198.940.000 (một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.947.000 (chín triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn) đồng. Cấn trừ số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn L đã nộp là 4.291.800 (bốn triệu, hai trăm chín mươi mốt ngàn, tám trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0025071 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L phải nộp thêm 5.655.200 (năm triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn, hai trăm) đồng.

Bà Lương Thị H phải chịu án phí dân sự là 21.360.000 (hai mươi mốt triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các bên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Hải Yến